



1. Tổng quan về nông nghiệp, nông thôn ứng dụng công nghệ cao ở Việt Nam

Trong những năm qua Đảng, Nhà nước đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách lớn về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; về phát triển khoa học, công nghệ cao phục vụ nông nghiệp, nông thôn: Nghị quyết số 26/NQ-TW của Ban chấp hành Trung ương khoá 10 về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; Nghị quyết số 20/NQ-TW của Ban chấp hành Trung ương khoá 11 về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế; Quyết định 176/QĐ-TTg, ngày 29/01/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đến năm 2020; Quyết định số 27/QĐ-TTg ngày 5/1/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình khoa học công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011-2015. Triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách đó trong thực tiễn đã tạo được những chuyển biến tích cực bước đầu trong nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ, phát triển kinh tế nông nghiệp.

Về ứng dụng công nghệ cao, hiện nay, Việt Nam đã có 29 khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đã được xây dựng, đưa vào hoạt động và quy hoạch tại 12 tỉnh, thành

* NHNN

CHÍNH SÁCH TÍN DỤNG CHO PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO

✍️ **ThS. Nguyễn Hữu Mạnh ***

Nông nghiệp Việt Nam đang bước vào giai đoạn mới, phát triển theo chiều sâu với quy mô lớn hơn để hội nhập kinh tế quốc tế. Điều đó đặt ra yêu cầu về ứng dụng công nghệ cao, nhằm nâng cao hiệu quả, khả năng cạnh tranh, chất lượng sản phẩm và đáp ứng nhu cầu ngày một đa dạng của người tiêu dùng, đặc biệt đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn hàng hóa xuất khẩu. Để phát huy được hiệu quả tối đa ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp, bên cạnh những yếu tố như đất đai, thuế... thì vốn là vấn đề lớn và rất cấp thiết.

phố. Đã hình thành một số vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao như Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Lâm Đồng, Hậu Giang... Bước đầu hình thành một số mô hình phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại một số địa phương làm tiền đề cho việc phát triển các vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, như mô hình sản xuất rau an toàn, trồng hoa, cây cảnh tại Thành phố Hồ Chí Minh, Bắc Ninh, Lâm Đồng; mô hình sản xuất nấm quy mô trang trại tại Vĩnh Phúc; mô hình cánh đồng mẫu lớn sản xuất lúa xuất khẩu; mô hình nuôi cá tra sạch tại đồng bằng sông Cửu Long... Hình thành các vùng chuyên canh sản xuất hàng hoá về chăn nuôi bò sữa và sản xuất, chế biến các sản phẩm từ sữa tại Hà Nội, Nghệ An, Thành phố Hồ Chí Minh; vùng trồng chè theo công nghệ trồng, chế biến của Đài Loan ở Thái Nguyên, Lâm Đồng... Các công nghệ mới như: tạo giống tốt, nhà kính, nhà lưới, vườn ươm, kho

mát bảo quản, đóng gói rau, hoa trình độ cao với phương thức, kỹ thuật, quy trình sản xuất đồng bộ đã giúp nâng cao năng suất, ổn định giá thành và chất lượng sản phẩm, giá trị sản xuất đạt từ 500 triệu đến 1 tỷ đồng/ha. Ứng dụng công nghệ tưới tiết kiệm và phân bón có kiểm soát qua ống tưới của Israel cho cà phê, hồ tiêu cho năng suất gấp 3 lần so với phương pháp truyền thống. Một số mô hình sản xuất nông nghiệp công nghệ cao đầu tư có hiệu quả, đem lại lợi nhuận cao như sản xuất giống tại Tổng công ty Giống cây trồng Thái Bình, cánh đồng mẫu lớn ở Công ty Bảo vệ thực vật An Giang; mô hình nuôi bò và chế biến sữa của Công ty TH True Milk, Công ty sữa Mộc Châu, Công ty Giống cây trồng Hà Nội, Trung tâm phát triển công nghệ nông, lâm nghiệp Hải Phòng với hệ thống nhà kính, nhà lưới hiện đại từ công nghệ của Israel. Mô hình chăn nuôi gà giống, trại gà đẻ của trung tâm với quy mô 25.000 con được nuôi

NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM



AGRIBANK

Mang phần thịnh đến khách hàng

Chuyên mục này do Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam tài trợ

trong chuồng sạch và mức độ tự động hoá trên 98% trong các khâu chăm sóc nuôi dưỡng.

Những kết quả nghiên cứu, ứng dụng công nghệ cao đã đóng góp quan trọng làm tăng năng suất, sản lượng nông nghiệp của Việt Nam trong những năm vừa qua. Nhiều loại cây trồng, vật nuôi có năng suất, sản lượng, giá trị xuất khẩu đứng trong tốp đầu của thế giới như: hạt điều, hạt tiêu đứng thứ nhất; gạo, cà phê đứng thứ hai; chè đứng thứ sáu. Nếu như năm 2001, chỉ có mặt hàng thủy sản đạt kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỷ USD thì đến năm 2013, đã có 7 mặt hàng đạt kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỷ USD; thủy sản với kim ngạch xuất khẩu năm 2013 đạt 6,72 tỷ USD; gạo đạt 2,93 tỷ USD; cà phê đạt 2,72 tỷ USD; cao su đạt 2,49 tỷ USD; hạt điều đạt 1,65 tỷ USD; sắn đạt 1,1 tỷ USD. Và trong quý I-2014, kim ngạch xuất khẩu nông sản cả nước đạt 6,9 tỷ USD, tăng 9,4% so với cùng kỳ năm 2013¹. Thu nhập, đời sống của đại bộ phận dân cư nông thôn được cải thiện; tỷ lệ hộ nghèo giảm nhanh, nhất là những xã nghèo, huyện nghèo. Năm 2013, tỷ lệ hộ nghèo nông thôn là 13,3%, giảm 4,1% so với năm 2010. Tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn 62 huyện nghèo (theo Nghị quyết số 30/A/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ) đã giảm từ 58,33% (năm 2010) xuống còn 43,89% (năm 2012), bình quân giảm trên 7%/năm.

Tuy nhiên, hoạt động của các khu nông nghiệp công nghệ cao này còn rất hạn chế do đầu tư chưa đồng bộ, tập trung; cơ chế hỗ trợ, thu hút doanh nghiệp còn thiếu hấp dẫn, tính cạnh tranh của sản phẩm chưa cao. Việc lựa chọn mô hình, sản phẩm, lựa chọn công nghệ để sản xuất chưa phù hợp; chi phí đầu tư, vận hành quá cao dẫn đến sản xuất không hiệu quả. Một số khu

nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao ở Hà Nội, Hải Phòng được đầu tư hàng chục tỷ đồng để nhập công nghệ chọn gói của nước ngoài nhưng chưa thành công.

Việc xây dựng nền nông nghiệp công nghệ cao: ứng dụng công nghệ sinh học, áp dụng quy trình sản xuất tiên tiến, cơ giới hoá, tự động hoá trong thời gian qua chưa tạo đột phá để nâng cao giá trị gia tăng, chưa tạo cơ sở vững chắc cho chuyển đổi cơ cấu sản xuất nông nghiệp theo hướng hiệu quả, bền vững; chưa gắn kết giữa sản xuất với tiêu thụ nông, lâm sản. Hệ thống dịch vụ phát triển sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao phát triển chậm. Tăng trưởng nông nghiệp có xu hướng chậm lại: tăng trưởng ngành Nông nghiệp giai đoạn 1996-2000: 4,01%; 2001-2005: 3,83%; 2006-2010: 3,03%; 2010-2013: chỉ còn 2,9%. Nhiều sản phẩm nông nghiệp truyền thống vẫn ở tình trạng chất lượng thấp, giá thành cao, chưa đủ sức cạnh tranh với các sản phẩm nông nghiệp cùng loại của nước ngoài. Sản phẩm nông nghiệp chủ yếu là sản phẩm thô, các khâu chế biến, bảo quản, vệ sinh, an toàn thực phẩm chưa được quản lý chặt chẽ, giá trị sản phẩm chiếm tỷ trọng thấp trong chuỗi giá trị. Phần lớn nông sản đang được xuất khẩu ở dạng thô, sơ chế, giá trị gia tăng rất thấp; nhiều loại nông, lâm, thủy sản của Việt Nam chưa có thương hiệu trên thị trường quốc tế.

Thời gian qua, Nhà nước liên tục kêu gọi liên kết 4 nhà: “nhà nước, nhà nông, nhà khoa học, nhà doanh nghiệp”. Tuy nhiên, thực tế sản xuất và kinh doanh nông sản cho thấy, sự phối hợp này chưa tốt, dẫn đến tình trạng “được mùa mất giá” hay hiện tượng thương lái ép giá nông dân... Một thực tế nữa là chúng ta phát triển nông nghiệp còn thiếu quy hoạch. Ở nhiều địa

phương, do nông dân nôn nóng chạy theo các lợi ích kinh tế, tự phát chuyển đổi mục đích sử dụng đất, gây lãng phí đất và nhiều tác động xấu đến môi trường. Bên cạnh đó, nguồn nhân lực chất lượng cao am hiểu về khoa học kỹ thuật trong nông nghiệp còn yếu và thiếu, do đó đầu tư công nghệ cao vào nông nghiệp sẽ rất khó khăn.

Cho dù vậy, tình hình kinh tế thế giới và trong nước thời gian qua đã chứng tỏ vai trò thiết yếu và là ngành kinh tế trọng điểm đem lại giá trị thực cho xã hội của nông nghiệp. Nền kinh tế Việt Nam thời gian qua cũng một lần nữa khẳng định vai trò cứu cánh của nông nghiệp trong việc ổn định kinh tế và an sinh xã hội. Tuy nhiên, để phát triển bền vững, tăng giá trị gia tăng của ngành nông nghiệp theo tinh thần tái cơ cấu của ngành thì điều kiện thiết yếu phải đầu tư công nghệ cao và vai trò chủ lực của doanh nghiệp trong quá trình này.

2. Chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn ứng dụng công nghệ cao

Chỉ đạo của Chính phủ và động thái chính sách của Ngân hàng Nhà nước (NHNN) đối với nông nghiệp, nông thôn ứng dụng công nghệ cao

Với khoảng 70% dân số sống ở khu vực nông thôn, sản xuất nông nghiệp đã có những đóng góp to lớn trong sự nghiệp phát triển kinh tế của Việt Nam. Thời gian qua, lĩnh vực này luôn được Nhà nước coi trọng. Sự quan tâm đó được thể hiện qua hàng loạt các chủ trương chính sách lớn về phát triển nông nghiệp, nông thôn. Trong đó, Nghị định 41/2010/NĐ-CP của Chính phủ ngày 12/4/2010 về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn được coi là bước đột phá quan trọng. Ngay sau khi Nghị định



41/2010/NĐ-CP có hiệu lực, NHNN đã rất kịp thời ban hành Thông tư số 14/2010/TT-NHNN ngày 14/6/2010 hướng dẫn thực hiện Nghị định. Những năm qua, mặc dù có những giai đoạn thực hiện chính sách tiền tệ thắt chặt nhằm đảm bảo ổn định kinh tế vĩ mô và an sinh xã hội nhưng NHNN vẫn yêu cầu các TCTD chủ động cân đối nguồn vốn để đáp ứng kịp thời nhu cầu vốn cho lĩnh vực này. Thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP và số 02/NQ-CP ngày 7/01/2013, NHNN đã có những giải pháp tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ thị trường đặc biệt là đối với lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn. Trong đó có một số giải pháp cụ thể như:

i) Chỉ đạo các TCTD xác định 5 lĩnh vực ngành Ngân hàng cần ưu tiên vốn để đầu tư phát triển trong đó có lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn.

ii) Liên tục điều hành giảm lãi suất cho vay đối với các lĩnh vực ưu tiên (có lĩnh vực nông nghiệp nông thôn), đến nay mức lãi suất cho vay tối đa chỉ còn 9%/năm nhằm tháo gỡ khó khăn. Từ đầu năm 2013 đến nay, lãi suất cho vay tiếp tục giảm 2-3%.

iii) Hỗ trợ các ngân hàng thương mại (NHTM) có tỷ trọng cho vay nông nghiệp nông thôn lớn (từ 40% trở lên) thông qua hình thức tái cấp vốn và giảm tỷ lệ dự trữ bắt buộc đối với 5 ngân hàng nhằm mở rộng nguồn vốn cho vay và có điều kiện hạ lãi suất huy động đầu vào, từ đó hạ lãi suất cho vay đối với lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn.

Nhờ có những chính sách phù hợp và sự nỗ lực của ngành Ngân hàng mà trong thời gian qua, tăng trưởng tín dụng cho lĩnh vực nông nghiệp nông thôn hàng năm có mức tăng bình quân cao hơn mức tăng chung của nền kinh tế. Đến cuối năm 2013, dư nợ tín dụng cho lĩnh vực nông nghiệp nông thôn đạt

671.986 tỷ đồng, tăng 19,67% so với 31/12/2012 (mức tăng chung của nền kinh tế là 12,51%) và tăng gấp 2,29 lần so với năm 2009 (là thời điểm trước khi Nghị định 41/2010/NĐ-CP được ban hành). Tại phiên họp thường kỳ Chính phủ tháng 2/2014, Thống đốc NHNN cho biết sẽ xây dựng chương trình tín dụng đối với các mô hình liên kết, các dự án ứng dụng công nghệ cao và phục vụ xuất khẩu các sản phẩm nông nghiệp. Tại Nghị quyết 14/NQ-CP về phiên họp thường kỳ của Chính phủ tháng 2/2014, Chính phủ đã giao NHNN chủ trì phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Khoa học và Công nghệ triển khai chương trình thí điểm này. Hiện nay, NHNN đang phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Khoa học và Công nghệ tiến hành khảo sát, nghiên cứu và xây dựng chính sách thí điểm để triển khai. Mục đích của việc xây dựng chương trình thí điểm này là: (i) hỗ trợ cho các doanh nghiệp tiên phong trong việc thực hiện các mô hình liên kết với nông dân, xu hướng tất yếu của sản xuất nông nghiệp trong nền kinh tế thị trường; (ii) khuyến khích các mô hình này theo hướng nhiều doanh nghiệp dám đứng ra làm đầu mối liên kết với nông dân và nhiều nông dân thấy được những lợi ích thiết thực khi tham gia vào các mô hình này.

Chương trình cho vay hỗ trợ của ngành Ngân hàng trong mô hình liên kết này hướng vào hai nội dung: (i) giảm chi phí đầu vào cho sản phẩm sản xuất liên kết thông qua việc cho vay lãi suất phù hợp (thấp hơn lãi suất thị trường); (ii) tháo gỡ vướng mắc về tài sản bảo đảm theo hướng sẽ cho vay tín chấp nếu nông dân và doanh nghiệp ký kết hợp đồng liên kết có cơ sở pháp lý và ngân hàng kiểm soát được dòng tiền tham gia vào quá trình liên

kết. Ví dụ cho vay để mua giống, vật tư nông nghiệp ứng cho nông dân theo hợp đồng liên kết. Nông dân khi bán sản phẩm cho doanh nghiệp và hoàn trả tiền ứng trước thì ngân hàng sẽ thu nợ.

Theo NHNN, chương trình cho vay thí điểm với các mô hình liên kết, ứng dụng công nghệ cao và thúc đẩy xuất khẩu sản phẩm nông nghiệp có một số đặc điểm như sau:

Một là, cho vay trực tiếp đối với doanh nghiệp để hỗ trợ các hộ nông dân, chẳng hạn cho vay doanh nghiệp để mua giống, vật tư nông nghiệp để tạm ứng cho nông dân để sản xuất;

Hai là, việc cho vay tập trung vào liên kết hợp đồng giữa doanh nghiệp với nông dân từ đó kiểm soát chặt chẽ dòng tiền trong chuỗi liên kết. Đây cũng là cơ sở để các ngân hàng xem xét cho vay tín chấp đối với doanh nghiệp;

Ba là, chương trình có những hỗ trợ nhất định đối với các doanh nghiệp được lựa chọn thí điểm, cả về nguồn vốn, lãi suất và thời hạn vay, tài sản đảm bảo so với điều kiện chung của thị trường.

Ngày 28/5/2014, Thống đốc NHNN ban hành Quyết định số 1050/QĐ-NHNN quy định về việc cho vay thí điểm đối với các mô hình liên kết trong chuỗi sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, các mô hình ứng dụng khoa học và công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp nhằm triển khai thực hiện Nghị quyết số 14/NQ-CP của Chính phủ. Các đối tượng vay vốn gồm: Các doanh nghiệp ký kết hợp đồng liên kết trong sản xuất gắn với chế biến và tiêu thụ các sản phẩm nông nghiệp; các doanh nghiệp được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp giấy chứng nhận là doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; các hộ nông dân, hợp tác xã đại diện cho nông dân thực hiện ký kết hợp đồng liên



Nhờ có những chính sách phù hợp, tăng trưởng tín dụng cho nông nghiệp nông thôn có mức tăng bình quân cao hơn mức chung của nền kinh tế

kết theo chuỗi sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp với các doanh nghiệp được NHNN, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt gắn với các dự án liên kết cụ thể. Với chương trình thí điểm này, ngành Ngân hàng không những hỗ trợ giải quyết vấn đề vốn đầu tư tín dụng cho nông nghiệp mà còn hướng sản xuất nông nghiệp từ nhỏ lẻ, manh mún sang sản xuất hàng hoá, quy mô lớn, liên kết hiệu quả, có tính cạnh tranh cao theo mục tiêu của Đề án tái cơ cấu ngành Nông nghiệp đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; từng bước nâng cao đời sống người nông dân và thực hiện mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới.

Hướng cho vay của một số NHTM đối với nông nghiệp, nông thôn ứng dụng công nghệ cao²

Ông Nguyễn Tiến Đông³ - nguyên Phó Tổng giám đốc Agribank cho biết, Ngân hàng chủ trương cung ứng vốn theo mô hình khép kín. Thực tế hoạt động của Agribank những năm qua chứng minh được hiệu quả lớn. Thí dụ tại thành phố Cần Thơ, Agribank đã cho vay theo cánh đồng mẫu lớn đối với Công ty TNHH MTV Nông nghiệp Cờ Đỏ. Tổng diện tích thực hiện dự án là 5.900ha, trong đó 5.600ha trồng lúa, sản lượng hàng năm đạt 60.000 tấn lúa thơm và lúa chất lượng cao. Công ty đã đầu tư nhà máy xay xát, chế biến gạo được trang bị máy móc hiện đại, công suất lên đến 750 tấn/ngày và hệ thống kho tàng

có sức chứa hơn 45.000 tấn. Đặc biệt có 63 lò sấy tinh vôi ngang cải tiến công suất 12-15 tấn/mẻ, có khả năng sấy khô và bảo quản 750-800 tấn/ngày. Đây là một trong những mô hình cho vay khép kín trong chuỗi liên kết sản xuất nông nghiệp (doanh nghiệp cung ứng giống, vật tư phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, hỗ trợ về kỹ thuật, máy móc làm đất, thu mua sản phẩm đầu ra cho nông dân theo hợp đồng đã ký kết).

Với Vietcombank, bà Nguyễn Minh Hương - Trưởng Phòng tín dụng xác nhận, chính sách của Ngân hàng sẽ ưu tiên nông sản xuất khẩu truyền thống. Từ thành công bước đầu của chính sách tín dụng cho sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, Vietcombank sẽ tiếp tục ưu tiên tín dụng đối với những mặt hàng nông sản xuất khẩu chủ lực là thế mạnh cho vay của mình như lương thực, thủy sản, cà phê, cao su... Đồng thời, để nâng cao hiệu quả, giảm thiểu rủi ro, Vietcombank định hướng các sản phẩm tín dụng phù hợp từng lĩnh vực. Vietcombank đang xem xét thí điểm cho vay theo chuỗi liên kết từ khâu sản xuất thức ăn - chăn nuôi trồng - chế biến xuất khẩu thủy sản với chu kỳ vay vốn trên 12 tháng (áp dụng đối với những doanh nghiệp hoạt động kinh doanh hiệu quả, phương án kinh doanh khả thi), nghiên cứu phương án kinh doanh khả thi và phương thức để quản lý chặt chẽ tại từng khâu; đồng thời xúc tiến cho vay thí điểm theo mô

hình cánh đồng mẫu lớn, tích cực triển khai thực hiện các chương trình tạm trữ lúa gạo theo chỉ đạo của Chính phủ hàng năm.

Về chính sách tín dụng của Vietinbank cho nông nghiệp nông thôn, theo ông Phạm Huy Thông - Phó Tổng giám đốc, Ngân hàng sẽ ưu đãi đặc biệt với ngành lương thực thực phẩm. Vietinbank đẩy mạnh cho vay khu vực nông nghiệp nông thôn, trong đó tập trung cho vay thu mua nông sản, thủy sản phục vụ sản xuất kinh doanh, chế biến hàng xuất khẩu. Để hỗ trợ nông dân có nguồn vốn đầu tư sản xuất nông nghiệp thông qua việc mở rộng sản xuất, tăng quy mô ứng dụng máy móc thiết bị hiện đại trong sản xuất... Vietinbank đã triển khai sản phẩm "Cho vay phát triển nông nghiệp, nông thôn" với nhiều tiện ích như: hạn mức cho vay tới 80% nhu cầu vốn; thủ tục đơn giản hoá... qua đó hỗ trợ được nhiều nông dân, hộ gia đình phát triển sản xuất nông nghiệp tại địa phương. Để có thể triển khai hiệu quả, tăng trưởng tín dụng phục vụ nông nghiệp nông thôn, Vietinbank đề xuất tiếp tục thực hiện một số giải pháp. Trước hết, đơn giản hoá thủ tục cho vay vốn (nhất là trong cho vay không có bảo đảm bằng tài sản thế chấp đối với hộ nông dân theo Nghị định số 41/2010/NĐ-CP) qua đó xác lập cơ chế thực thi đơn giản, rõ ràng để rút ngắn khoảng cách giữa chính sách với thực tế triển khai. Phát triển thêm các sản phẩm tín dụng như:



cho vay làng nghề truyền thống, các sản phẩm công nghiệp - dịch vụ, cho vay xuất khẩu lao động, dịch vụ tại địa bàn nông thôn. Chủ động xác định nhu cầu theo từng nhóm khách hàng ở khu vực nông thôn, từ đó đưa ra các sản phẩm dịch vụ phù hợp.

Tại NHTMCP Sài Gòn - Hà Nội (SHB), bà Ngô Thu Hà - Phó Tổng giám đốc cho biết, Ngân hàng sẽ cho vay liên kết theo chuỗi trong sản xuất nông nghiệp. Hiện nay, các hộ nông dân và doanh nghiệp vay vốn ở nhiều TCTD khác nhau dẫn tới khó khăn trong việc thanh toán và phối hợp giữa các TCTD. Vì vậy, để hoạt động cho vay theo chuỗi đạt kết quả tốt hơn, SHB có sáng kiến đẩy mạnh liên kết các hợp tác xã, tổ hợp tác, câu lạc bộ trồng, chế biến và tiêu thụ sản phẩm. Đây sẽ là các đơn vị đứng ra làm trung gian, chịu trách nhiệm pháp lý để đại diện cho các hộ nông dân thực hiện vay vốn. Đồng thời, các doanh nghiệp thu mua, chế biến xuất khẩu sản phẩm nông sản cần phải liên kết chặt chẽ hơn nữa với nông dân thông qua việc cung cấp đầu vào, xây dựng vùng nguyên liệu, hỗ trợ kỹ thuật canh tác và bao tiêu sản phẩm. Các Bộ, ban ngành triển khai các phương án trợ giúp các hộ nông dân về khoa học, kỹ thuật để có thể triển khai sản xuất nông nghiệp theo hướng áp dụng công nghệ cao, mang lại giá trị gia tăng lớn hơn. Hỗ trợ các hộ nông dân kết nối và xúc tiến thương mại, hỗ trợ ký kết các hợp đồng vay vốn, hợp đồng tạm trữ nông sản, tạm ứng vật tư, tiêu thụ sản phẩm...

Một số tồn tại liên quan đến tín dụng phục vụ nông nghiệp, nông thôn ứng dụng công nghệ cao

Thứ nhất, mặc dù chính sách của NHNN đã phát huy được tác dụng trong việc khơi thông nguồn vốn tín dụng chảy vào nông nghiệp nông thôn, nhưng vẫn chưa đáp

ứng được hết nhu cầu vốn cho sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp và phục vụ đời sống ở khu vực nông thôn. Trong công tác điều hành chính sách tiền tệ, NHNN luôn chú trọng việc sử dụng các giải pháp nhằm giảm lãi suất cho vay đối với nông nghiệp nông thôn, như thực hiện tái cấp vốn lãi suất thấp cho các TCTD để tạo điều kiện cho các TCTD này cho vay nông nghiệp nông thôn với lãi suất thấp hơn lãi suất cho vay các TCTD khác, nhưng khi nguồn vốn này đến được với từng đơn vị cấp dưới của các TCTD (đơn vị trực tiếp cho vay các chủ thể sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp và người dân ở khu vực nông thôn) thì lãi suất đã đội lên nhiều khiến cho lãi suất cho vay đến khách hàng vẫn ở mức cao nên nhiều khách hàng dè dặt, không dám vay vốn. Ngoài ra, cho đến nay, việc thu hút nguồn vốn từ các TCTD nước ngoài đầu tư cho nông nghiệp nông thôn, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao còn ít.

Thứ hai, tín dụng nông nghiệp tăng mạnh, song tín dụng cho nông nghiệp, nông thôn chủ yếu tập trung ở một số NHTM, chưa thu hút được nhiều NHTM tham gia, đặc biệt ngoài NHTM nhà nước, NHTMCP mở rộng cho vay trong lĩnh vực này còn ít. Trên thực tế, dù tốc độ tăng trưởng tín dụng nông nghiệp khá cao, song dư nợ tín dụng xét về con số tuyệt đối vẫn thấp, tỷ trọng dư nợ cho vay đối với lĩnh vực này thấp (xem bảng 1, hình 1). Vốn ngân hàng hiện chỉ đáp ứng được vào khoảng 60% nhu cầu vốn của địa bàn nông nghiệp, nông thôn. Điều này có thể giải thích bởi hoạt động cho vay nông nghiệp rủi ro cao, không chỉ do trình độ, năng lực quản lý, mà còn do thiên tai dịch bệnh. Chưa kể, nếu cho vay nhỏ lẻ, thì các chi phí hoạt động cho vay là khá cao. Đây là những

lý do mà chỉ những ngân hàng có mạng lưới chi nhánh rộng, ở gần địa bàn nông thôn mới có thể mạnh dạn cho vay trong lĩnh vực này. Bên cạnh đó, khách hàng thiếu tài sản có giá trị để cầm cố, thế chấp tại ngân hàng. Ngoài ra, vốn cho vay khu vực nông nghiệp nông thôn chủ yếu là nguồn vốn ngắn hạn, trong khi đó các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực này lại mong muốn tiếp cận nhiều hơn các nguồn vốn trung, dài hạn.

Phát triển sản xuất nông nghiệp quy mô lớn đi đôi với ứng dụng công nghệ cao sẽ là xu thế tất yếu của nông nghiệp Việt Nam trong những năm tới. Cho đến nay, cả nông nghiệp nông thôn, sản xuất hàng xuất khẩu và công nghệ cao đều thuộc lĩnh vực được ưu đãi tín dụng, đặc biệt là ưu đãi về lãi suất và điều kiện tiếp cận tín dụng. Tuy nhiên, còn khoảng cách tương đối lớn giữa chính sách và thực tế. Chính vì vậy, một mặt cần tiếp tục tháo gỡ những khó khăn vướng mắc nhằm tăng cường quy mô tín dụng cho nông nghiệp nông thôn đi đôi với phối hợp nguồn vốn tín dụng với các nguồn lực tài chính đa dạng khác để tạo bước đột phá trong chuyển đổi mô hình sản xuất nông nghiệp gắn với sản xuất lớn, công nghệ cao, tăng năng suất và hiệu quả của sản xuất nông nghiệp. Mặt khác, cần cơ cấu lại tín dụng cho phù hợp với mô hình sản xuất lớn, với những liên kết kinh tế mới, những chuỗi liên kết khép kín từ cung cấp đầu vào, sản xuất nông nghiệp đến tiêu thụ sản phẩm gắn với tăng hàm lượng khoa học công nghệ và giá trị gia tăng trong từng khâu của chuỗi giá trị nông sản.

3. Một số đề xuất

Thứ nhất, NHNN cần tiếp tục chỉ đạo các TCTD tập trung nguồn vốn đáp ứng đầy đủ nhu cầu vay; cơ chế lãi suất cho vay đối với lĩnh

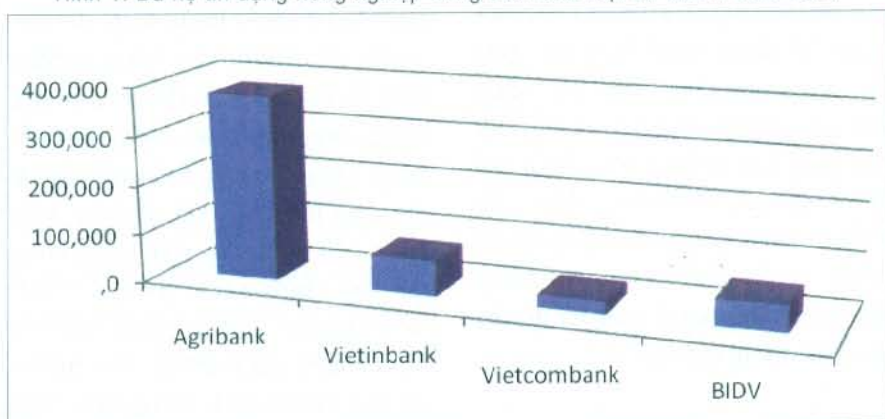


Bảng 1: Diễn biến dư nợ tín dụng nông nghiệp nông thôn giai đoạn 2000-2013

Năm	Dư nợ cho vay nông nghiệp nông thôn (tỷ đồng)	Tốc độ tăng dư nợ cho vay nông nghiệp nông thôn	Tỷ trọng dư nợ cho vay nông nghiệp nông thôn so tổng dư nợ cho vay nền kinh tế
2000	43.752	21,19%	23,85%
2001	57.892	32,32%	26,46%
2002	66.067	14,12%	23,13%
2003	83.742	26,75%	22,92%
2004	111.683	33,37%	24,21%
2005	139.776	25,15%	25,25%
2006	157.991	13,03%	22,77%
2007	215.023	36,10%	20,14%
2008	247.192	14,96%	18,46%
2009	292.919	18,50%	16,70%
2010	381.944	30,30%	17,45%
2011	494.770	25,01%	19,03%
2012	561.553	17,60%	18,00%
2013	671.986	19,67%	19,32%

(Trích nguồn NHNN và TS. Nguyễn Thuỳ Dương - Học viện Ngân hàng)

Hình 1: Dư nợ tín dụng nông nghiệp nông thôn của một số NHTM năm 2013



(Nguồn: Báo cáo của các NHTM)

vực nông nghiệp nông thôn tiếp tục được điều chỉnh giảm và thấp hơn các lĩnh vực khác, thì biện pháp có thể thực hiện ngay để giải quyết vấn đề vốn cho nông nghiệp nông thôn và nông dân chính là tăng khả năng tiếp cận vốn tín dụng cho khu vực này thông qua xác lập cơ chế thực thi đơn giản và rõ ràng để rút ngắn khoảng cách giữa chính sách với thực tế triển khai. Đồng thời, cần xây dựng ngay một cơ chế thuận lợi hơn về bảo lãnh tín dụng và tín chấp cho nông nghiệp nông thôn thay vì phải cầm cố hay “nộp” giấy sử dụng đất - tài sản gần như duy nhất đáng giá của các hộ nông dân hiện nay

Thứ hai, cần khuyến khích các TCTD tích cực tham gia cho vay phát triển nông nghiệp nông thôn. NHNN cần khuyến khích tất cả các TCTD tập trung đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp nông thôn bằng cách quy định các TCTD đều phải

có một tỷ lệ dư nợ cho vay phục vụ phát triển nông nghiệp nông thôn tương ứng trong tổng dư nợ cho vay. Ngoài ra, NHNN tạo điều kiện đối với các hoạt động ngân hàng liên quan đến tín dụng nông nghiệp nông thôn như tạo điều kiện hỗ trợ vốn thông qua cho vay tài cấp vốn dựa trên kế hoạch triển khai cho vay nông nghiệp nông thôn, cho phép các TCTD này mở rộng điểm giao dịch tại các địa bàn nông thôn và được mở rộng thực hiện một số nghiệp vụ hỗ trợ cho thị trường tài chính nông thôn...

Thứ ba, các NHTM cần lập kế hoạch cho vay nông nghiệp nông thôn một cách hợp lý về thời hạn, cơ cấu vốn đầu tư, cũng như hạn mức vốn vay, đảm bảo khai thác tiềm năng kinh tế tự nhiên của mỗi vùng, hình thành các vùng chuyên canh lúa, vùng cây công nghiệp, cây ăn quả, vùng nuôi trồng và khai thác thủy sản... có giá trị kinh tế cao

phục vụ cho tiêu dùng trong nước và xuất khẩu. Chú trọng cho vay đối với hộ sản xuất, doanh nghiệp nhỏ và vừa gắn với các dự án bao tiêu sản phẩm kinh doanh có hiệu quả thuộc các khu công nghiệp, cụm công nghiệp đã và đang được hình thành, cho vay mở rộng đầu tư vào lĩnh vực nghiên cứu công nghệ sinh học, tạo ra giống cây trồng mới.

Thứ tư, Nhà nước tiếp tục có các chính sách, giải pháp hỗ trợ đối với nông nghiệp nông thôn. Trước hết, nhà nước hoàn thiện công tác quy hoạch, đặc biệt là quy hoạch các vùng, các sản phẩm nông nghiệp có thế mạnh của địa phương để các TCTD có cơ sở đầu tư vốn. Phối hợp đồng bộ trong việc thực hiện các chương trình kinh tế tại địa phương, gắn kết các chương trình kinh tế với việc cho vay hộ nghèo, đầu tư phát triển nguồn nhân lực, giải quyết việc làm, giải quyết hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế với bảo vệ môi trường. Bên cạnh đó, Nhà nước nhanh chóng triển khai các hình thức bảo hiểm về nông nghiệp nông thôn để vừa tạo điều kiện cho các chủ thể kinh tế tiếp cận vốn tín dụng, giảm thiểu rủi ro cho cả khách hàng và TCTD. Nhà nước cần thúc đẩy, tạo thuận lợi về thể chế (cần tạo bước đột phá về thể chế), linh hoạt để hộ nông dân, hộ gia đình góp giá trị quyền sử dụng đất cùng doanh nghiệp nhằm tập trung, tích tụ ruộng đất cho tổ chức sản xuất nông nghiệp quy mô lớn với kỹ thuật và quy trình sản xuất hiện đại, đáp ứng tiêu chuẩn chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm theo chuẩn mực quốc tế. Ngoài ra, Nhà nước cần hỗ trợ nông dân kết nối, tiếp cận với dịch vụ nghiên cứu, chuyển giao công nghệ, kết nối với các doanh nghiệp chế biến, hệ thống tiêu thụ sản phẩm, qua đó, từng bước hình thành mạng lưới sản xuất và chuỗi cung ứng kết nối sản xuất, chế biến, phân phối và



bán sản phẩm; kết nối công nghiệp phục vụ nông nghiệp.

Thứ năm, phát triển đồng bộ các thị trường và hiệu quả mối liên kết bốn nhà: nhà nước - nhà khoa học - doanh nghiệp - nhà nông. Ngoài ý nghĩa tạo chu trình sử dụng vốn khép kín, tạo đầu ra sản phẩm và sử dụng vốn hiệu quả, việc tạo lập thị trường đồng bộ, thị trường nguyên liệu, cung ứng cũng như thị trường tiêu thụ tốt sẽ đảm bảo cho hoạt động sản xuất kinh doanh của khu vực này phát triển bền vững, hạn chế rủi ro thị trường, các rủi ro liên quan, góp phần nâng cao hiệu quả tín dụng đối với lĩnh vực nông nghiệp nông thôn.

Thứ sáu, Nhà nước nên thành lập bảo hiểm tín dụng nông nghiệp, hình thành quỹ hỗ trợ đầu tư các doanh nghiệp nhằm hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp thực hiện đầu tư trang thiết bị cũng như kỹ thuật để phát triển mô hình nông nghiệp công nghệ cao.

Bên cạnh những chiến lược, chính sách phát triển nông nghiệp nông thôn, cơ cấu lại nền nông nghiệp theo hướng hiện đại, Nhà nước cần tiếp tục tháo gỡ khó khăn, vướng mắc nhằm tăng cường quy mô tín dụng cho nông nghiệp nông thôn đi đôi với phối hợp nguồn vốn tín dụng với các nguồn lực tài chính đa dạng khác để tạo bước đột phá trong chuyển đổi mô hình sản xuất nông nghiệp gắn với sản xuất lớn, công nghệ cao, tăng năng suất và hiệu quả của sản xuất nông nghiệp. Mặt khác, cần cơ cấu lại tín dụng cho phù hợp với mô hình sản xuất lớn, với những liên kết kinh tế mới, những chuỗi liên kết khép kín từ cung cấp đầu vào, sản xuất nông nghiệp đến tiêu thụ sản phẩm gắn với hàm lượng khoa học công nghệ và giá trị gia tăng trong từng khâu của chuỗi giá trị nông sản. Theo đó, tín dụng cho nông nghiệp nông thôn, cả cơ cấu cũng như chính sách

và cơ chế cần thay đổi theo hướng lựa chọn đúng khách hàng cho vay, tỷ lệ cho vay và điều kiện cho vay (thế chấp, bảo lãnh tín dụng, lãi suất, thời hạn, mức độ ưu đãi) tương ứng phù hợp từng đối tượng trong mô hình sản xuất lớn và chuỗi liên kết sản xuất nông nghiệp để đảm bảo cho vay đúng đối tượng, tránh trồng chéo trùng lặp, đảm bảo hiệu quả sử dụng và quản lý tốt rủi ro tín dụng. Đặc biệt, chính sách tín dụng nông nghiệp nông thôn phải góp phần củng cố và thắt chặt mối quan hệ ràng buộc liên kết giữa các nhà trong chuỗi liên kết, đồng thời góp phần phân bổ lợi ích hài hòa giữa các khâu trong chuỗi giá trị nông sản, chú trọng đảm bảo lợi ích người nông dân, giúp người nông dân ổn định và tăng thu nhập dựa trên tăng năng suất và giá trị sản xuất nông nghiệp.

KẾT LUẬN

Chiến lược phát triển nông nghiệp, nông thôn Việt Nam hiện nay cần có bước đột phá về tư duy và cách làm, trong đó cách làm về bản chất chính là công nghệ nào sẽ được áp dụng và dòng vốn tín dụng dành cho nông nghiệp công nghệ cao. Chúng ta cần đặc biệt quan tâm tới lợi thế kinh tế nhờ quy mô và chuỗi giá trị sản phẩm. Việc đầu tư, ứng dụng công nghệ cao như thế nào trước hết hãy xem xét đến đầu ra của doanh nghiệp có được thị trường chấp nhận không, qua đó sẽ đánh giá được tính hiệu quả của công nghệ. Với Việt Nam, các doanh nghiệp nên đầu tư, ứng dụng công nghệ phù hợp về chi phí và điều kiện thực tế, chú trọng nâng cao giá trị gia tăng sản phẩm và phải đáp ứng được nhu cầu thị trường. Yêu cầu đặt ra là, cần những doanh nghiệp tiên phong, doanh nghiệp đủ TÂM + TRÍ + LỰC. Đây là những doanh nghiệp mạnh dạn, dám nghĩ, dám làm và có tiềm lực

triển khai ứng dụng công nghệ cao đầu tư vào khu vực nông nghiệp, nông thôn. Bên cạnh đó, trong chiến lược phát triển theo chuỗi giá trị sản phẩm thì phải có sự liên kết giữa doanh nghiệp với nông dân. Doanh nghiệp đầu tư vốn, công nghệ, tìm kiếm thị trường tiêu thụ... còn nông dân được tạo công ăn việc làm, cải thiện thu nhập, qua đó bộ mặt nông thôn sẽ thay đổi theo hướng tích cực, hiện đại. Hiện nay, còn tồn tại một số hạn chế về cơ chế chính sách đã cản trở sự phát triển của nông nghiệp Việt Nam. Để giúp đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao cho phát triển nông nghiệp, nông thôn rất cần sự đột phá thể chế. Đã đến lúc Việt Nam cần có tư duy mới trong công tác làm chính sách, thay vì chính sách chỉ được đưa ra nhằm "cởi hay tháo những nút thắt" thì nên hướng tới làm chính sách mang tính "xây dựng". ■

¹Nguồn: Tổng cục Thống kê

²Nhóm PV Báo Nhân dân đã thực hiện phỏng vấn đại diện một số ngân hàng thương mại về chính sách tín dụng của các ngân hàng này đối với nông nghiệp, nông thôn ứng dụng công nghệ cao. Xem thêm Báo Nhân dân hàng tháng số 204, tháng 4/2014.

³Ngày 06/6/2014, Thống đốc NHNN đã ký Quyết định số 1148/QĐ-NHNN, theo Quyết định này, ông Nguyễn Tiến Đông - Phó Tổng giám đốc Agribank - được điều động và bổ nhiệm giữ chức Vụ trưởng Vụ Tín dụng các ngành kinh tế thuộc NHNN kể từ ngày 06/6/2014.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. "Công nghệ cao trong nông nghiệp: Tiềm năng trời đầy". Báo Nhân dân hàng tháng số 204, tháng 4/2014.
2. "Khái quát về chương trình cho vay thí điểm cho vay mô hình liên kết, ứng dụng công nghệ cao và phục vụ xuất khẩu các sản phẩm nông nghiệp". Nguyễn Việt Mạnh - Nguyên Vụ trưởng Vụ Tín dụng các ngành kinh tế, NHNN. Tài liệu Hội thảo "Giải pháp phát triển mô hình sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao" ngày 15/5/2014 tại Hà Nội.
3. "Một số giải pháp đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp". Nguyễn Văn Tiến - Vụ trưởng Vụ Nông nghiệp - Nông thôn, Ban Kinh tế Trung ương. Tài liệu Hội thảo "Giải pháp phát triển mô hình sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao" ngày 15/5/2014 tại Hà Nội.
4. "Khuyến khích vốn tín dụng cho khu vực nông nghiệp và nông thôn". TS. Nguyễn Thuý Dương, Học viện Ngân hàng. Tạp chí Ngân hàng số 11 tháng 6/2014.
5. Một số tài liệu tham khảo khác.